| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>TỈNH AN GIANG<br><br>Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày: 10-4-2025<br>V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con". | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Thành Thật.

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

*Thư ký phiên tòa*: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa***: Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Kim L, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số C B, phường T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NHẬN THẤY**:

*Theo nội dung vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Kim L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H được mai mối và tiến đến hôn nhân. Hôn nhân của cả hai có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã M vào ngày 09/7/2010. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân hơn bốn năm. Trong thời gian này bà cũng có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà đã nhiều lần kêu ông H quay về chung sống để vợ chồng cùng lo cho hai con. Tuy nhiên, ông H không đồng ý và cũng không liên lạc với bà. Hiện nay do cuộc hôn nhân giữa bà và ông H không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 30/9/2009 và Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 27/6/2013. Hiện hai con đang do bà chăm sóc. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

*Tại phiên tòa*: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn ông H.

- Về con chung: Đề nghị giao các con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng ly thân hơn 04 năm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở các phiên hòa giải để hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, bỏ mặc cho bà L tự giải quyết, không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét, mối quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng ông bà ly thân đã lâu, ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung tên H1 và D. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Từ khi ly thân ông H không cùng bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét yêu cầu của bà L, nguyên vọng của các cháu và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu H1 và D cho bà L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Đặng Thị Kim L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức

được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Kim L. Bà Đặng Thị Kim L được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung:

2.1. Bà Đặng Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 30/9/2009 và Nguyễn Thị Bích D, sinh ngày 27/6/2013. Hiện con chung đang sống chung với bà L.

2.2. Giao các cháu H1 và D cho bà Đặng Thị Kim L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Đặng Thị Kim L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002186 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND xã Mỹ Khánh (GCN số 68, ngày 09/7/2010);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ |
| --- | --- |
| Lê Thành Thật Nguyễn Văn Sơn | Lê Thị Hồng Thi |